

SỐ: 97/2024/QĐST-HNGĐ

N, ngày 15 tháng 7 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 143/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: chị Bùi Thị H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: thôn Đ 3, xã S, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: anh Lê Đức G, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn Đ 3, xã S, huyện N, tỉnh N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Bùi Thị H và anh Lê Đức G.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1 Về việc nuôi con chung:** chị Bùi Thị H và anh Lê Đức G thỏa thuận giao cho anh Lê Đức G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Minh T sinh ngày 29/12/2021 kể từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ

18 tuổi. Chị Bùi Thị H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lê Đức G. Chị Bùi Thị H có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**2.2 Về tài sản, công nợ chung:** chị Bùi Thị H, anh Lê Đức G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.3 Về án phí:** chị Bùi Thị H nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị H đã nộp theo biên lai thu số: BLTU/23/0001285, ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Trả lại cho chị Bùi Thị H 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh NB;
- VKSND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hữu Quốc**